

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2018/DS-PT

Ngày 27/08 /2018

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: bà Trần Thị Ngoan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2018/QĐXX-PT ngày 26 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ng.H.Q; sinh năm 1956; địa chỉ: Đ, thôn Tr.H, xã Th.H, huyện B.V, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Ng.V.H; sinh năm 1960; địa chỉ: Đ, thôn Tr.H, xã Th.H, huyện

B.V, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn - ông Ng.H.Q trình bày:

Ông và ông Ng.V.H có quan hệ anh em bên ngoại. Năm 1995, ông cho ông H vay 2.189.900 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng*) để ông H trả tiền lãi cô Y (trú tại xã P.S, B.V). Vì là người nhà và sống cùng làng nên ông không yêu cầu ông H viết giấy vay tiền. Ít ngày sau, không yên tâm nên ông yêu cầu ông H viết giấy biên nhận số tiền 2.189.900 đồng đã vay. Ông nhờ ông Ng.C.L đứng ra viết hộ giấy vay tiền, ông H đồng ý ký vào giấy biên nhận vay tiền. Ông H hẹn trả tiền cho ông sau 01 năm kể từ ngày viết giấy. Đến hạn ông H không trả ông tiền, từ đó đến nay ông đã nhiều lần đòi tiền ông H nhưng ông H vẫn không trả.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán trả ông số tiền đã vay và tiền lãi tính từ ngày 04/10/1995 đến nay.

Bị đơn - ông Ng.V.H trình bày:

Ông Q và ông có quan hệ như ông Q trình bày. Năm 1995, hai ông cùng đi buôn gỗ ở Y.B, cá nhân ông Q mua gỗ của vợ chồng ông Đ bà Y số tiền 2.189.900 đồng. Do mâu thuẫn, sau khi thanh toán số tiền này thì ông Q chưa lấy gỗ mà bỏ về quê trước. Khoảng 01 năm sau ông Đ về chơi, hai bên tiếp tục mâu thuẫn, ông Đ có nói với ông Q “*lấy gỗ thì trả gỗ, lấy tiền thì trả tiền*”, ông Q không dám đi mà nhờ ông lên lấy số tiền nói trên hộ.

Ngày 04/10/1995, ông Ng.C.L đứng ra viết giấy biên nhận nội dung ông vay của ông Q số tiền 2.189.900 đồng, chữ ký trong giấy vay tiền là của ông nhưng thực chất đây là giấy ông Q nhờ ông đi lấy tiền. Sau đó ông không buôn bán gỗ nữa nên không đi lấy tiền cho ông Q được. Từ năm 1995 đến nay, ông Q cũng

không đòi ông số tiền này.

Ông không đồng ý việc ông Q khởi kiện buộc ông trả số tiền 2.189.900 đồng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng:

Người làm chứng - ông Ng.C.L khai: Đối với ông Q ông có quan hệ họ hàng, đối với ông H thì ông chơi với anh ông H, nên coi ông H là em. Trước ngày 04/10/1995 ông không chứng kiến việc ông Q cho ông H vay tiền. Ngày 04/10/1995 ông đi có việc cá nhân, trên đường về ông gặp ông Q và ông H. Ông Q và ông H gọi ông vào nhà bà Khanh nhờ ông viết 01 giấy biên nhận vay tiền với nội dung “Anh Nguyễn Thế H có vay của anh Ng.H.Q số tiền là 2.189.900 đồng đúng như giấy biên nhận vay tiền mà ông Q đã cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra ông không nghe được thông tin về việc ông Q cho ông H vay tiền.

Vì điều kiện công việc, khi Tòa án giải quyết vụ việc nếu có mặt tại địa phương ông sẽ tham gia làm chứng, nếu không có mặt đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người làm chứng - ông Ng.H.Ph khai: Ông Ph, ông Q và ông Ng.V.H có quan hệ anh em, họ hàng. Ngày 04/10/1995, ông không được chứng kiến việc ông Q cho ông H vay tiền, nhưng ông được chứng kiến việc ông H ký giấy biên nhận vay tiền với nội dung ông H có vay của ông Q số tiền 2.189.900 đồng. Ông cũng có được nghe mọi người kể lại việc vay nợ giữa ông Q và ông H phát sinh từ việc làm ăn, buôn bán gỗ.

Ông xin vắng mặt trong các giai đoạn Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án số 01/2018/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.V đã xử:

- Áp dụng khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 264, điều 266, điều 147, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng điều 471, điều 474, Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 463, điều

465, điều 466, điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2017; Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng.H.Q. Buộc ông Ng.V.H phải trả cho ông Ng.H.Q số tiền 2.189.900 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng*).

2- Bác yêu cầu thanh toán tiền lãi và tiền tính lãi theo mức lãi cho vay quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam của ông Ng.H.Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và Q kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/4/2018, ông Ng.H.Q có đơn kháng cáo:

Nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không tính trượt giá số tiền ông đã cho ông H vay cách đây 23 năm giờ giá trị tăng lên nhiều; Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi số tiền ông cho ông H vay là thiệt thòi cho ông. Ngoài ra tại đơn kháng cáo ông Q trình bày nội dung ông đưa 10.000.000 đồng cho ông H đặt hàng mua gỗ, ông H không mua gỗ cũng không trả lại số tiền này cho ông; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về đòi gốc, trượt giá, và tính lãi. Đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Q nêu trong đơn kháng cáo thì ông Q xin rút do không có chứng cứ.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: Đơn kháng cáo hợp lệ và trong hạn luật định; quan hệ vay tiền nên gốc không áp dụng thời hiệu, lãi có áp dụng thời hiệu, đề nghị y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về kháng cáo: Ông Ng.H.Q được nhận bản án ngày 30/3/2018; ngày 13/4/2018 ông Q có đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc kháng cáo là hợp lệ.

Về phạm vi kháng cáo, tại đơn kháng cáo đề ngày 11/4/2018 ông Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Buộc ông H thanh toán số tiền đã vay ông trượt giá số tiền này và lãi; buộc ông H trả lại ông số tiền 10.000.000 đồng ông đưa cho ông H đặt hàng mua gỗ nhưng ông H không đặt cũng không trả lại cho ông.

[2] Về sự vắng mặt của ông H tại phiên toà phúc thẩm: Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho ông H quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, quyết định hoãn phiên toà nhưng cả hai lần ông H đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 15/3/2018 cả nguyên đơn và bị đơn đồng ý với các tài liệu chứng cứ hai bên giao nộp, không có ý kiến gì khác về các tài liệu hai bên đã nộp và tài liệu do Toà án thu thập nên các tài liệu do Toà án sơ thẩm thu thập đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi giải quyết của vụ án: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ông Q chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán trả số tiền 2.189.900 đồng đã vay, trượt giá số tiền này và lãi.

[5] Xét nội dung kháng cáo của ông Q:

[5.1] Xét nội dung kháng cáo của ông Q về việc Tòa án sơ thẩm không tính trượt giá, không tính lãi số tiền ông cho ông H vay. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về yêu cầu nợ gốc: Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung giấy biên nhận vay tiền đề ngày 04/10/1995 ghi rõ: “*Anh Nguyễn Thế H có vay của Ng.H.Q cùng làng số tiền là 2.189.900 đồng*”. Cả hai bên đều xác nhận giấy vay tiền do ông Ng.V.L viết hộ, cả ông Q và ông H đều xác nhận chữ ký của mình tại giấy vay tiền này, Nguyễn Thế H và Ng.V.H là một người. Ông Ng.V.L là người viết hộ giấy vay tiền cũng xác nhận ông Q và ông H nhờ ông viết hộ giấy biên nhận vay tiền nội dung như trên. Việc ông H cho rằng, ông không vay tiền ông Q mà thực chất ông Q nhờ ông lấy hộ 2.189.900 đồng tiền gỗ ở Y.B nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Đây là Hợp đồng vay tiền có kỳ hạn theo quy định tại Điều 467, Điều 475 Bộ luật dân sự 1995. Cả hai bên xác nhận từ khi vay đến nay, ông H chưa trả tiền theo cam kết. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 471 Bộ luật dân sự 1995.

Thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 163 Bộ luật dân sự 1995; điều 427 Bộ luật Dân sự 2005 là hai năm kể từ ngày người có Q yêu cầu biết hoặc phải biết Q và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm; Thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 là 03 năm, kể từ ngày người có Q yêu cầu biết hoặc phải biết Q và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Đến ngày 16/10/2017, ông Q mới có yêu cầu khởi kiện ra Tòa án, là quá thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “*Toà án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên*”. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, cả ông Q và ông H không có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do vậy, không áp dụng về thời hiệu và cần buộc ông H phải trả ông Q gốc và lãi theo quy định của Pháp luật.

Toà án sơ thẩm buộc ông H phải trả cho ông Q số tiền 2.189.900 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng*) là có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu tính trượt giá: Quan hệ pháp luật trong vụ án là Hợp đồng vay tài

sản, theo quy định của Bộ luật dân sự điều chỉnh quan hệ pháp luật liên quan chỉ có quy định lãi, không có quy định trượt giá, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông Q.

Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy biên nhận vay tiền không quy định lãi suất, xác định thời điểm trả tiền là sau 12 tháng kể từ ngày vay, tức là ngày 04/10/1996 ông H phải trả tiền cho ông Q. Đến ngày 04/10/1996, ông H không trả tiền ông Q và đây là ngày Q và lợi ích hợp pháp của ông Q bắt đầu bị xâm phạm.

Thời điểm bắt đầu chịu lãi là ngày 04/10/1996; tính đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 27/08/2018 là 21 năm và 11 tháng.

Mức tính lãi như sau: Do các bên không có thoả thuận về lãi suất, Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật Ngân hàng nhà nước năm 1997 không có quy định lãi suất trong trường hợp Hợp đồng vay không có lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng tương tự Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm.

Số tiền lãi suất ông H phải chịu là: $[(2.189.900 \text{ đồng} * 10\%) * 21] + [(2.189.900 \text{ đồng} * 10\%) : 12 (\text{tháng})] * 11(\text{tháng}) = \mathbf{4.997.000 \text{ đồng}}$ (Bốn triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Như vậy, cần buộc ông H phải thanh toán cho ông Q số tiền **7.186.900 đồng** (Bảy triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng); trong đó nợ gốc là **2.189.900 đồng** (Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng) **4.997.000 đồng** (Bốn triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Toà án sơ thẩm viện dẫn điểm b, khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn khoản 3 Điều 159 của Bộ luật dân sự 2005 để không chấp nhận yêu cầu lãi của ông Q là không chính xác, cần sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu tính lãi.

[5.2] Xét nội dung kháng cáo của ông Q về việc yêu cầu thanh toán số tiền

10.000.000 đồng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017, ông Q chỉ yêu cầu khoản tiền 2.189.900 đồng; Toà án sơ thẩm chỉ thụ lý và giải quyết yêu cầu này, trong quá trình Toà án giải quyết ông Q chỉ nêu ý kiến trong Bản tự khai, không có chứng cứ như giấy nhận nợ của ông H về khoản tiền này, không có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, không nộp tạm ứng án phí bổ sung. Vì vậy, Toà án sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu khoản tiền 2.189.900 đồng là phù hợp với Q tự định đoạt của đương sự và phạm vi giải quyết của Toà án theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Q đã tự nguyện rút yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Ông H phải án phí dân sự có giá ngạch là: **7.186.900** đồng * 5% = 359.000 đồng;

- Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Q, sửa một phần án sơ thẩm nên ông Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 163, Điều 467, Điều 471, Điều 475 của Bộ luật dân sự năm 1995;
- Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 429; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật Ngân hàng nhà nước năm 1997;
- Áp dụng Điều 5, khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 184; Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ng.H.Q đối với bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B.V; sửa một phần án sơ thẩm cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng.H.Q về nợ gốc; buộc ông Ng.V.H phải trả cho ông Ng.H.Q số tiền nợ gốc **2.189.900 đồng** (*Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng*);

- Chấp nhận yêu cầu của ông Ng.H.Q về tính lãi, buộc ông Ng.V.H phải trả cho ông Ng.H.Q số tiền lãi trên nợ gốc là **4.997.000 đồng** (*Bốn triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*);

Tổng cộng ông H phải trả cho ông Q số tiền nợ gốc và lãi là: **7.186.900 đồng** (*Bảy triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng*);

Không xem xét các yêu cầu khác của ông Ng.H.Q.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, ông H chưa thanh toán số tiền chậm trả cho ông Q thì phải trả lãi đối với số tiền trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh được quy định theo Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

- Ông Ng.V.H phải chịu 359.000 đồng (*Ba trăm năm mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Ng.H.Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0008045, ngày 16/10/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008460 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.V, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự huyện B.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng